

ÔN TẬP VỀ DẤU CÂU

(Dấu phẩy)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được công dụng của dấu phẩy ;
- Biết tự phát hiện và sửa các lỗi về dấu phẩy trong bài viết.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Xem thêm mục 1, phần II – *Những điều lưu ý*, Bài 31 (tr. 171).
2. Khác với các dấu câu được ôn tập ở Bài 31, dấu phẩy là dấu được dùng trong nội bộ câu, không phải là dấu kết thúc câu.
3. Dấu phẩy được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu :
 - Giữa các thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ ;
 - Giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu ;

- Giữa từ ngữ với bộ phận chú thích của nó ;
- Giữa các vế của câu ghép.

4. Dấu phẩy có vai trò quan trọng khi viết câu. Nhờ dấu phẩy mà câu trong sáng hơn, rõ ràng và dễ hiểu hơn. Có những trường hợp, khi không đặt dấu phẩy, câu có thể có nhiều cách hiểu khác nhau (mơ hồ), thậm chí đối lập nhau. Trong chúng ta, hẳn không ai không nhớ câu chuyện tiểu lâm trong kho tàng truyện dân gian Việt Nam : *Một người vợ muốn li dị chồng vì không thể sống chung được nữa, bèn nhờ ông thầy đồ viết đơn hộ lên quan. Quan phê : cho về nhà ở với chồng cũ không được lấy chồng mới. Do thời ấy chưa có dấu phẩy, nên thầy đồ khuyên người vợ cứ lấy chồng mới. Người chồng cũ bèn kiện lên quan. Quan cho đòi người vợ lên. Người vợ đưa theo ông thầy đồ. Thầy đồ nói : Người vợ này làm đúng theo lời phê của quan : "Cho về nhà ở với chồng cũ không được, lấy chồng mới". Chúng ta thấy chỉ đặt thêm dấu phẩy mà ý nghĩa của câu khác hẳn (so sánh : "Cho về nhà ở với chồng cũ, không được lấy chồng mới"). Có thể kết luận rằng vai trò của dấu phẩy trong cách hiểu câu rất quan trọng.*

5. Ngoài tác dụng cú pháp, giúp cho người đọc hiểu đúng nghĩa của câu, dấu phẩy còn có tác dụng tu từ. Dùng dấu phẩy tu từ có tác dụng tạo nhịp điệu cho câu, nhấn mạnh được nội dung cần truyền đạt. Ví dụ :

Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.

(Thép Mới)

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Tìm hiểu công dụng của dấu phẩy.

1. a) Cho HS tìm các từ ngữ có chức vụ như nhau trong câu (câu (1) : tìm các phần cùng là phụ ngữ cho động từ *đem* ; câu (2) : tìm các phần cùng làm vị ngữ cho chủ ngữ *chú bé*), giữa chúng phải đặt dấu phẩy :

Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt (,) roi sắt (,) áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy (,) vươn vai một cái (,) bỗng biến thành một tráng sĩ.

b) Tìm ranh giới giữa trạng ngữ với chủ ngữ – vị ngữ. Tìm ranh giới của bộ phận chú thích cho *suốt một đời người*. Ở các chỗ đó phải đặt dấu phẩy :

Suốt một đời người (,) từ thuở lọt lòng đến khi nhắm mắt xuôi tay (,) tre với mình sống chết có nhau, chung thủy.

c) Tìm ranh giới giữa các cụm chủ ngữ – vị ngữ (giữa các vế của câu ghép). Ở chỗ đó phải đặt dấu phẩy :

Nước bị cản văng bọt tứ tung (,) thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống.

2. Lí do đặt dấu câu như trên :

Dấu phẩy được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của câu :

- Giữa các thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ ;
- Giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu ;
- Giữa từ ngữ với bộ phận chú thích của nó ;
- Giữa các vế của câu ghép.

Hoạt động 2. Chữa một số lỗi thường gặp về dấu phẩy.

Hướng dẫn HS tìm các trường hợp đã nêu trong *Ghi nhớ* của phần I – *Công dụng* (tr. 157 – 158, SGK) để tìm những chỗ cần đặt dấu phẩy.

a) *Chào mào (,) sáo sậu (,) sáo đen... Đàn đàn lũ lũ bay đi bay về (,) lượn lên lượn xuống.* (Dấu phẩy dùng giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu – cùng là chủ ngữ.) *Chúng nó gọi nhau (,) trò chuyện (,) trêu ghẹo và tranh cãi nhau, ồn ào mà vui không thể tưởng được.* (Dấu phẩy dùng giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu – cùng là vị ngữ.)

b) *Trên những ngọn cây già nua cổ thụ (,) những chiếc lá vàng còn sót lại cuối cùng đang khua xào trước khi từ giã thân mẹ đơn sơ.* (Dấu phẩy dùng giữa thành phần phụ – trạng ngữ – với chủ ngữ và vị ngữ.) *Nhưng những hàng cau làng Dạ thì bất chấp tất cả sức mạnh tàn bạo của mùa đông (,) chúng vẫn còn y nguyên những tàu lá vắt vẻo mềm mại như những cái đuôi én.* (Dấu phẩy dùng giữa các vế câu ghép.)

Hoạt động 3. Làm bài tập. (Tuỳ theo thời gian còn lại, GV lần lượt cho HS làm các bài tập trong SGK.)

IV – GỢI Ý GIẢI MỘT SỐ BÀI TẬP

Bài tập 1

Cách làm bài tập này tương tự như bài tập trong phần II – *Chữa một số lỗi thường gặp* (trang 158, SGK). Yêu cầu HS nhớ kĩ những trường hợp dùng dấu phẩy.

a) *Từ xưa đến nay (,)* (Dấu phẩy dùng giữa thành phần phụ – trạng ngữ – với chủ ngữ và vị ngữ.) *Thánh Gióng luôn là hình ảnh rực rỡ về lòng yêu nước (,) sức*

manh phi thường và tinh thần sẵn sàng chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam ta. (Dấu phẩy dùng giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.)

b) *Buổi sáng (,) (Dấu phẩy dùng giữa thành phần phụ – trạng ngữ – với chủ ngữ và vị ngữ.) sương muối phủ trắng cành cây, bãi cỏ.* (Dấu phẩy dùng giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu – cùng là phụ ngữ.) *Gió bắc hun hút thổi. Núi đồi (,) thung lũng (,) làng bản chìm trong biển mây mù.* (Dấu phẩy dùng giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu – cùng là chủ ngữ.) *Mây bò trên mặt đất (,) tràn vào trong nhà (,) quán lấy người đi đường.* (Dấu phẩy dùng giữa các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu – cùng là vị ngữ.)

Bài tập 2

Chọn các chủ ngữ thích hợp để điền. Lưu ý : giữa các chủ ngữ cần đặt dấu phẩy. Tham khảo những câu sau :

- a) *Vào giờ tan tầm, xe ô tô, xe máy, xe đạp đi lại nườm nượp trên đường phố.*
 - b) *Trong vườn, hoa lay-ơn, hoa cúc, hoa hồng đua nhau nở rộ.*
 - c) *Dọc theo bờ sông, những vườn ổi, vườn nhãn, vườn mít xum xuê, trĩu quả.*
- v.v...

Bài tập 3

Chọn các vị ngữ thích hợp để điền. Lưu ý : giữa các vị ngữ cần đặt dấu phẩy. Tham khảo những câu sau :

- a) *Những chú chim bói cá thu mình trên cành cây, rụt cổ lại.*
- b) *Mỗi dịp về quê, tôi đều đến thăm ngôi trường cũ, thăm thầy, cô giáo cũ của tôi.*
- c) *Lá cọ dài, thẳng, xoè cánh quạt.*
- d) *Dòng sông quê tôi xanh biếc, hiền hoà.*

Bài tập 4*

Dấu phẩy ở đây được dùng nhằm mục đích tu từ (xem thêm mục lưu ý II.5 trên đây).

Nhờ hai dấu phẩy, Thép Mới đã ngắt câu thành những khúc đoạn cân đối, diễn tả được nhịp quay đều đặn, chậm rãi và nhẩn nại của chiếc cối xay.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Xem tr. 155.